

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HSST

Ngày: 27-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm – Phó hiệu trưởng Trường THPT Lưu Hữu Phước, quận Ô Môn.

2. Ông Trần Thanh Nam - Ủy viên thường vụ Quận đoàn Ô Môn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Đồi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 05/5/2020 đối với các bị cáo:

1/ TRẦN VĂN T (tên gọi khác: Tài Cá) - sinh ngày 08 tháng 9 năm 2003. Tại: Ô Môn - Cần Thơ.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Ng, sinh năm 1986 (sống) và bà Trương Thị K, sinh năm 1989 (sống); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Anh **Trần Văn Ng**, sinh năm 1986. Là cha của bị cáo T. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

* Người bào chữa cho bị cáo T: Ông **Nguyễn Hoàng Đur** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2/ NGUYỄN THỊ TRÚC Q - sinh ngày 22 tháng 11 năm 2002. Tại: Ô Môn - Cần Thơ.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu vực A, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Nhiên, sinh năm 1961 (sống) và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1965 (sống); Anh chị em ruột: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1990. Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo Q: Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1965. Là mẹ của bị cáo Q. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực A, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

* Người bào chữa cho bị cáo Q: Bà **Mai Trúc Phi** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ. (có mặt)

* Bị hại:

1/ Anh **Phạm Minh Th**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

2/ Chị **Lý Thị P**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực D, phường V, quận M, thành phố Cần Thơ.

3/ Anh **Lê Hồng H**, sinh năm 1983. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở: Số X, đường số G, Khu biệt thự T, Khu phố E, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực K, phường V, quận M, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực A, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, Xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4/ Ông **Cao Minh B**, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khu vực P, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Khu vực H, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

5/ Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số U, Tổ Y, Khu phố B, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/10/2019, Nguyễn Thị Trúc Q điều khiển xe mô tô biển số 65P4-7315 chở Trần Văn T đi đến nhà ông Trần Văn Nh (ông nội Tài) thuộc khu vực H, phường T, quận M. Trên đường đi, khi đến gần cơ sở ếch Chí Nguyễn, thuộc khu vực H, phường T, quận M thì Tài phát hiện có 01 xe mô tô hiệu Quicknewwave, Dream màu nâu, biển kiểm soát 65F4-8840, phía trước бага xe có 01 ghế trẻ em của chị Lý Thị P đang dựng cặp lề lộ nông thôn, cách cơ sở Chí Nguyễn khoảng 30m, trên xe có gắn chìa khóa và không người trông coi nên T rủ Q lấy trộm, Q đồng ý và quay xe lại, đậu gần đó cách khoảng 5m đợi T, còn T một mình lén lút đến lấy trộm xe, khởi động máy chạy trước, Q chạy theo sau. Trên đường đi T tháo ghế trẻ em gắn trên xe ném bỏ xuống sông và tiếp tục chạy xe trộm được đến tiệm sửa xe và thu mua phế liệu của Nguyễn Hoàng S, bán cho S được số tiền 500.000 đồng, T đưa hết tiền bán xe được cho Q giữ và cùng nhau tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày, chị P phát hiện xe của mình bị mất nên đến Công an phường Thới Hòa trình báo.

Qua điều tra chứng minh được T và Q còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 29/8/2019, sau khi đi chơi về T điều khiển xe mô tô biển số 65P4-7315 chở Q đi đến nhà ông nội của T. Trên đường đi, khi đến nhà anh Phạm Minh Th, thuộc khu vực H, phường T, quận M, T phát hiện 01 xe mô tô Wave, biển số 65F9-6557 đang để trước nhà không có người trông coi nên T rủ Q lấy trộm bán lấy tiền xài, Q đồng ý. T quay xe lại, cách nhà anh Th khoảng 20m, Q ngồi trên xe chờ, còn T một mình lén lút đến dẫn xe của anh Th đến nơi Q đợi, khởi động máy chạy trước, Q điều khiển xe mô tô biển số 65P4-7315 chạy theo sau. T điều khiển xe vừa trộm được giấu trong Trung tâm văn hóa quận Ô Môn thuộc khu vực 12, phường Châu Văn Liêm. Sau đó, T chở Q đến quán cà phê (không nhớ địa điểm cụ thể) ở Bến đò Đu Đủ thuộc phường Phước Thới, quận Ô Môn và ngủ lại tại đây, đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày T và Q quay lại nơi cất giấu xe biển số 61F9-6557 điều khiển xe đến bán cho Nguyễn Hoàng S với số tiền 350.000 đồng, T và Q cùng nhau tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 22/10/2019, sau khi chơi game xong, do hết tiền tiêu xài nên Tài rủ Q đi tìm tài sản sơ hở lấy trộm, Q đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 65P4-7315 chở T ngồi sau. Khi đến khu vực Thới Lợi, phường Phước Thới, quận Ô Môn thì T phát hiện 01 xe mô tô Dream màu nâu, biển số 53Y9-0052 của anh Lê Hồng H đang đậu cặp lề lộ, trên xe có gắn chìa khóa và không người trông coi nên T kêu Q dừng xe lại đợi T. T đến lén lút

lấy trộm xe, khởi động máy điều khiển chạy đến Trường trung học cơ sở Lê Lợi thuộc khu vực Bình Lập, phường Phước Thới, quận Ô Môn, cặp bên trường có một con hẻm, T chạy xe trộm được vào trong hẻm, đậu xe cặp lộ nông thôn, rồi điều khiển xe mô tô biển số 65P4-7315 chở Q đến gặp Nguyễn Hoàng S, hỏi còn mua xe không, S nói còn mua, sau đó, T và Q điều khiển xe biển số 53Y9-0052 đem đến bán cho S. Tại đây S hỏi xe đâu mà có thì T nói mua lại của bạn nên S đồng ý mua với giá 350.000 đồng, T đưa số tiền bán xe có được cho Q giữ và cùng nhau tiêu xài cá nhân.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 60/KLĐG ngày 29/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô Môn kết luận:

- Giá 01 xe mô tô (kiểu dáng xe Dream), nhãn hiệu Quicknewwave, màu sắc: nâu, biển kiểm soát 65F4-8840, số khung LWXCHL 00002844, số máy LG150FMG*01060747* đã qua sử dụng, vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 24/10/2019) là 3.500.000 đồng.

- Giá 01 xe mô tô (kiểu dáng xe Dream), màu sắc: nâu, biển kiểm soát 53Y9-0052, số khung LWAXCGL32YA100949, số máy 1P50FMG-310124936 đã qua sử dụng, vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 22/10/2019) là 2.500.000 đồng.

- Giá 01 xe mô tô (kiểu dáng xe Wave), nhãn hiệu WELCOME, màu sắc: xanh, biển kiểm soát: 61F9-6557, số máy EC152FMHY0441210, số khung bị rỉ sét, đã qua sử dụng, vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp tài sản (ngày 29/8/2019) là: 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị còn lại của các loại tài sản là 7.500.000 đồng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 05/KLĐG ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản quận Ô Môn xác định: Giá của 01 chiếc ghế bằng kim loại, màu đỏ - đen dùng để chở trẻ em vào thời điểm xảy ra vụ trộm cắp (24/10/2019) là 150.000 đồng.

Kết luận giám định số 08/KLGD-PC09(KTPL) ngày 31/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ xác định: Xe mô tô biển số 61F9-6557, trước khi giám định số khung không xác định được và số máy LC152FMH*Y0441210* sau giám định tại vị trí khung xác định được các ký tự VVNPCH0041S... 701..5, dấu (...) là các ký tự không xác định được do bị oxy hóa. Tại vị trí số máy LC152FMH*Y0441210*, không phát hiện dấu vết đục sửa, hàn ghép.

Giấy khai sinh thể hiện Trần Văn T sinh ngày 08/9/2003 nhưng do đăng ký trễ hạn nên Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định pháp y về độ tuổi của Tài. Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 47/ĐT ngày 13/12/2019 của Trung tâm pháp y, Sở y tế thành phố Cần Thơ xác định: Trần Văn T có độ tuổi từ 16 tuổi 03 tháng đến 16 tuổi 09 tháng – thời điểm giám định 10/12/2019.

Đối với Nguyễn Hoàng S là người trực tiếp thu mua xe mô tô biển số 65F4-8840; xe mô tô biển số 53Y9-0052 và xe mô tô biển số 61F9-6557 do Tài

và Q trộm cắp bán lại. Riêng xe mô tô biển số 61F9-6557 sau khi mua S đã tháo một số bộ phận của xe để bán phế liệu nhưng chưa bán được thì bị phát hiện nên S đã ráp lại nhưng hiện tại xe chưa khởi động máy được, S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 xe mô tô trên. Tuy nhiên khi mua xe T nói là xe đã cũ, hư hỏng, T mua của bạn để bán lại kiếm lời nên S mua để bán phế liệu và không biết tài sản này do T và Q trộm cắp có được nên không đủ cơ sở xử lý.

Qua điều tra Trần Văn T còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 6/2019 (không nhớ ngày), T cùng với Mai Thanh V (sinh năm 1990, cư trú khu vực B, phường V, quận M, thành phố Cần Thơ) lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Blade màu trắng đen, không nhớ biển số tại ấp Thới Hiệp A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ rồi V mang về bán. Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Ô Môn đã thông báo và chuyển vụ việc này cho Công an huyện Thới Lai xử lý theo quy định.

Vụ thứ hai: Khoảng thời gian trước tháng 7/2019, T điều khiển xe mô tô biển số 65P4-7315 chở Q đi chơi ở phường Thới Long. Khi đến cầu Rạch Phê thuộc phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thì T thấy 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh (không rõ biển số) đang dựng cặp lộ nông thôn, T rủ Q lấy trộm bán thì Q đồng ý. T lén lút lấy rồi cùng Q chạy về bán cho Nguyễn Hoàng S được 300.000 đồng. Tuy nhiên, không xác định được bị hại; S, Q không thừa nhận và không thu hồi được tang vật nên chưa đủ cơ sở kết luận T và Q đã thực hiện việc lấy trộm trên.

Trần Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra, Công an quận Ô Môn đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với Tài. Ngày 25/3/2020 đã bắt được Tài theo Quyết định truy nã.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 65F4-8840, hiệu QUICKNEW WAVE, kiểu dáng Dream màu nâu, số khung LWXHL00002844, số máy LG150 FMG*01060747* đã qua sử dụng;

- 01 xe mô tô kiểu dáng Dream màu nâu, biển số 53Y9-0052, số khung LWAXCGL32YA100949, số máy 1P50FMG-310124936 đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, hiệu WELCOME màu xanh, biển số 61F9-6557, số khung VVNPCH0041S...701..5, số máy EC152FMHY0441210 đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, hiệu WANDA màu xanh, biển số 65P4-7315, số khung G03UM010032, số máy 0FMG4P110032 đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đen, số IMEI1: 869880049640332, số IMEI2: 869880049640324 bị nứt màn hình và 01 sim số 0911514550 đã qua sử dụng.

Đối với vật chứng là 01 cái ghế bằng kim loại, màu đỏ do T ném bỏ nên không truy tìm được.

Đối với xe mô tô biển số 65P4-7315 chứng minh được bà Nguyễn Thị Bích H (mẹ ruột của Q) là chủ sở hữu xe, bà để xe sử dụng trong gia đình, việc Q lấy sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản bà không biết.

Trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Minh Th, là chủ sở hữu xe mô tô biển số 61F9-6557, do xe anh chưa khởi động máy được nên anh đã tự thỏa thuận và nhận số tiền 500.000 đồng từ anh Nguyễn Hoàng S. Hiện anh chỉ yêu cầu nhận lại xe mô tô bị mất trộm ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Đối với chị Lý Thị P là chủ sở hữu xe mô tô 65F4-8840, hiện chị chỉ yêu cầu nhận lại xe trên ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Riêng, anh Lê Hồng H là chủ sở hữu xe mô tô biển số 53Y9-0052 không yêu cầu nhận lại xe. Việc anh Nguyễn Hoàng S mua xe do T và Q bán với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, anh S đã nhận đủ số tiền do T và Q trả lại nên anh không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-OM ngày 22 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Trần Văn T và Nguyễn Thị Trúc Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Thị Trúc Q theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định:

Trả lại cho chị Lý Thị P 01 xe mô tô biển số 65F4-8840.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 53Y9-0052 do anh Lê Hồng H không có yêu cầu nhận lại xe.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích H 01 xe mô tô biển số 65P4-7315 do bà H không biết việc bị cáo Q sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đen, bị nứt màn hình và 01 sim số 0911514550 do không dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho anh Phạm Minh Th 01 xe mô tô biển số 61F9-6557

Về trách nhiệm dân sự: Chị P không có yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc ghế chở trẻ em bằng kim loại. Anh Phạm Minh Th đã nhận số tiền 500.000 đồng từ anh Nguyễn Hoàng S. Anh Nguyễn Hoàng S đã nhận lại số tiền

mua xe là 1.200.000 đồng do bị cáo T và Q trả lại. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Bà Mai Trúc Phi trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Trúc Q: Thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Q theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời, phân tích các tình tiết khác để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội trong độ tuổi chưa thành niên nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91 và Điều 100 Bộ luật hình sự tuyên xử bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Nguyễn Thị Trúc Q thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo thống nhất ý kiến với lời bào chữa của người bào chữa. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ông Nguyễn Hoàng Dư trình bày lời bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo T. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình sai nên đã tự nguyện bồi thường cho anh S số tiền 1.200.000 đồng nên được xem là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình không hạnh phúc, cha mẹ ly hôn, bị cáo sống với ông nội, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự tuyên xử bị cáo 01 năm tù.

- Bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo thống nhất ý kiến với lời bào chữa của người bào chữa. Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

- Chị Lý Thị P trình bày: Chị yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 65F4-8840. Ngoài ra, chị không có yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc ghế chở trẻ em bằng kim loại và cũng không có yêu cầu gì khác. Chị yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định.

- Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 65P4-7315 là tài sản của bà. Bà không biết bị cáo Q sử dụng xe chở bị cáo T đi trộm cắp tài sản. Nay bà có yêu cầu được nhận lại xe.

- Anh Nguyễn Thanh Ph trình bày: Năm 2011, anh có đứng tên giấy đăng ký xe mô tô biển số 65F4-8840. Đến năm 2015, anh bán xe lại cho người khác (không rõ tên, địa chỉ). Nay anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Ông Cao Minh B trình bày: Tháng 12/2018, ông có nhận cầm xe mô tô biển số 65F4-8840 của 01 người thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) với số tiền 3.000.000 đồng. Do người đó không trả tiền lãi nên đến ngày 06/02/2019, ông

đã bán lại xe cho vợ chồng chị Lý Thị P và anh Nguyễn Minh H. Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận của bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Thị Trúc Q trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Từ đó có đủ cơ sở chứng minh: Vào ngày 29/8/2019, ngày 22/10/2019 và ngày 24/10/2019, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Thị Trúc Q đã cùng nhau lén lút lấy trộm các tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số 65F4-8840 và 01 ghế chở trẻ em của chị Lý Thị P có tổng giá trị là 3.650.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 61F9-6557 của anh Phạm Minh Th trị giá 1.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 53Y9-0052 của anh Lê Hồng H trị giá 2.500.000 đồng. Sau khi lấy trộm tài sản, các bị cáo đã đem đến bán cho anh Nguyễn Hoàng S được tổng cộng 1.200.000 đồng, các bị cáo sử dụng tiền này để tiêu xài cá nhân.

Do các bị cáo lấy trộm tài sản của chị P trị giá 3.650.000 đồng và lấy trộm tài sản của anh H trị giá 2.500.000 đồng nên hành vi của các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Thị Trúc Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời còn gây mất an ninh trật tự, an toàn công cộng tại địa phương. Các bị cáo có khả năng lao động tạo thu nhập hợp pháp. Tuy nhiên, chỉ vì tham lam, muốn hưởng lợi nhanh chóng mà không cần phải lao động nên đã cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản người khác.

Mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị trước khi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản nhưng các bị cáo đã có sự thống nhất với nhau khi hành động, bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 65P4-7315 chở bị cáo T đi tìm tài sản để lấy trộm, khi phát hiện tài sản không có người trông coi, bị cáo T trực tiếp lấy trộm tài sản, bị cáo Q đứng cách nơi có tài sản khoảng vài mét, nếu bị phát hiện thì bị cáo Q sẽ chở bị cáo T bỏ chạy, nếu lấy được tài sản thì cả hai cùng nhau đi

bán tài sản và cùng nhau tiêu xài số tiền đó. Từ đó có cơ sở xác định đồng phạm giản đơn trong vụ án. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải có mức án thật nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Các bị cáo tham gia thực hiện hành vi với vai trò và mức độ như nhau. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo T bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, đến ngày 25/3/2020 bị cáo T bị bắt theo quyết định truy nã. Do đó, mức hình phạt đối với bị cáo T sẽ có phần cao hơn so với bị cáo Q.

Tại phiên tòa, mặc dù các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội nhưng các bị cáo khai báo quanh co, các bị cáo chưa thật sự ăn năn hối cải về hành vi sai trái của mình nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ly hôn nên bị cáo thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết này để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Q về việc đề nghị áp dụng Điều 54 và Điều 100 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Q 09 tháng cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử nhận thấy, chỉ khi quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thì mới áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Q 09 tháng cải tạo không giam giữ thì vẫn trong khung hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự là không phù hợp. Ngoài ra, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Q như đã phân tích trên thì quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Q không được chấp nhận.

Về việc bị cáo T và bị cáo Q trả lại cho ông Sơn 1.200.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị cáo T và Quỳnh giao trả số tiền trên là tiền mua bán xe của các bị hại nên đây không được xem là tình tiết tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo là phù hợp. Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T về việc cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ nêu trên không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc anh S đã bồi thường tiền sửa xe cho anh Th là 500.000 đồng; bị cáo T và bị cáo Q đã trả lại cho anh S số tiền 1.200.000 đồng. Ngoài ra, không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

*** Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Nguyễn Thị Trúc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điểm i Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 25/3/2020.

Xử phạt: Nguyễn Thị Trúc Q 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Dream màu nâu, biển số 53Y9-0052, số khung LWAXCGL32YA100949, số máy 1P50FMG-310124936 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Phạm Minh Th 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, nhãn hiệu WELCOME màu xanh, biển số 61F9-6557, số khung VVNPCH0041S...701..5, số máy EC152FMHY0441210 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Lý Thị P 01 (một) xe mô tô biển số 65F4-8840, nhãn hiệu QUICKNEWWAVE, kiểu dáng Dream màu nâu, số khung LWXCHL00002844, số máy LG150 FMG*01060747* đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích H 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, nhãn hiệu WANDA màu xanh, biển số 65P4-7315, số khung G03UM010032, số máy 0FMG4P110032 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme màu đen, số IMEI1: 869880049640332, số IMEI2: 869880049640324 bị nứt màn hình và 01 sim điện thoại số 0911514550 đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý)

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo – Trần Văn T và Nguyễn Thị Trúc Q phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Công an quận Ô Môn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế